

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2025

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN
TẢI BIỂN
VINASHIP

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN VẬN TẢI
BIỂN VINASHIP
Date: 2025.04.22
09:49:49 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2025**

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KÝ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ I NĂM 2025	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ I NĂM 2025	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ I NĂM 2025	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ I NĂM 2025	5-21

Người lập



Nguyễn Bảo Ngọc

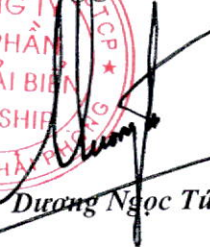
Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc



Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý I năm 2025

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/03/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		341.555.101.640	360.796.526.906
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	113.615.778.527	138.606.671.177
1 - Tiền	111		93.615.778.527	136.267.728.164
2 - Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	2.338.943.013
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	109.000.000.000	133.000.000.000
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		109.000.000.000	133.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.759.351.137	19.062.057.194
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20.456.420.671	11.074.002.063
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		748.437.008	1.861.167.936
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.056.185.311	15.628.579.048
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9.501.691.853)	(9.501.691.853)
IV - Hàng tồn kho	140		52.494.174.648	39.930.054.145
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	52.494.174.648	39.930.054.145
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		34.685.797.328	30.197.744.390
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.391.989.487	2.261.518.985
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.034.056.327	26.374.616.331
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	1.259.751.514	1.561.609.074
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		443.940.016.202	448.060.332.357
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		405.236.146.372	416.472.851.428
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	405.236.146.372	416.472.851.428
- Nguyên giá	222		1.211.743.662.472	1.211.733.151.966
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(806.507.516.100)	(795.260.300.538)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(664.654.500)	(664.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	2.442.386.089	2.640.417.397
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(21.257.618.562)	(21.059.587.254)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	178.000.000	1.224.343.997
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		178.000.000	1.224.343.997
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		309.068	309.068
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.437.338	1.437.338
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.128.270)	(1.128.270)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		36.083.174.673	27.722.410.467
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	36.083.174.673	27.722.410.467
2 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		785.495.117.842	808.856.859.263

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/03/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		208.249.848.009	231.694.514.575
I - Nợ ngắn hạn	310		86.620.063.237	105.057.390.517
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	35.342.800.907	27.605.100.104
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	340.077.850	11.007.654.829
4 - Phải trả người lao động	314		10.780.053.756	24.508.693.095
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.410.227.743	5.042.676.756
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	2.320.878.435	777.524.935
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.506.944.474	4.390.253.126
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	20.905.357.144	20.905.357.144
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.013.722.928	10.820.130.528
II - Nợ dài hạn	330		121.629.784.772	126.637.124.058
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	1.119.000.000	900.000.000
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	120.205.803.570	125.432.142.856
11 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	304.981.202	304.981.202
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		577.245.269.833	577.162.344.688
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.22	577.245.269.833	577.162.344.688
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	339.999.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	339.999.600.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		170.411.314.026	170.411.314.026
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.834.355.807	66.751.430.662
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66.751.430.662	1.030.197.917
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		82.925.145	65.721.232.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		785.495.117.842	808.856.859.263

Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 10 tháng 04 năm 2025



Tổng Giám đốc


Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

Mẫu số : B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý I năm 2025

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I NĂM 2025	QUÝ I NĂM 2024
1	2	3	4	5
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	127.372.765.941	133.997.756.006
2 - Các khoản giảm trừ	02		-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	127.372.765.941	133.997.756.006
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	118.518.064.429	136.128.180.482
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.854.701.512	(2.130.424.476)
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	2.427.412.646	5.638.790.838
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	2.802.268.959	79.184.614
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.313.764.837	-
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	25	VI.32		
9 - Chi phí bán hàng	26	VI.32	1.991.532.323	2.121.070.592
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		6.371.213.194	5.566.154.155
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)			117.099.682	(4.258.042.999)
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	1.911.750	4.606.942.039
13 - Chi phí khác	32	VI.31	13.105.000	46.299.546
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(11.193.250)	4.560.642.493
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		105.906.432	302.599.494
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	22.981.287	28.428.592
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	-	-
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		82.925.145	274.170.902
19 - Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		82.925.145	274.170.902
20 - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2	14
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 10 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Dạng đầy đủ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý I năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			NĂM 2025	NĂM 2024
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		105.906.432	302.599.494
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.445.246.870	21.623.758.967
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(263.137.547)	(2.949.164.335)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.816.033.041)	(943.840.819)
- Chi phí lãi vay	06		2.313.764.837	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.785.747.551	18.033.353.307
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.827.647.900)	9.144.176.485
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.564.120.503)	(6.527.714.744)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(370.943.002)	(19.052.626.940)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.491.234.708)	(9.340.026.438)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.319.349.144)	(1.000.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.039.944.740)	(7.541.898.550)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(846.907.600)	(772.945.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.674.400.046)	(17.057.682.280)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.950.761.030)	(23.146.627.684)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.000.000.000)	(31.500.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		61.000.000.000	30.000.000.000
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.664.648.106	1.972.464.106
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		19.713.887.076	(22.674.163.578)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
4 - Tiền trả gốc vay	34	VII	(5.226.339.286)	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(5.226.339.286)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(25.186.852.256)	(39.731.845.858)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		138.606.671.177	225.987.361.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		195.959.606	2.919.633.725
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		113.615.778.527	189.175.149.801

Lập ngày 10 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2025

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%; Công ty CP Container Việt Nam sở hữu 40,01%.

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2025, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2025, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là **454** người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý I năm 2025 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Tháng đầu năm 2025, cả hai chỉ số vận tải hàng khô BDI và BHSI đều giảm rõ rệt. Điều này cho thấy nhu cầu vận chuyển hàng hóa toàn cầu vẫn tiếp đà suy giảm trong khoảng thời gian này do kỳ nghỉ lễ đón năm mới kéo dài tại một số quốc gia Châu Á. Bên cạnh đó, trong tháng 2, thời tiết khu vực Biển Đông bị ảnh hưởng bởi gió mùa Đông Bắc khiến các tàu hành trình bị ảnh hưởng mạnh. Tình hình thời tiết trong tháng mưa nhiều gây ảnh hưởng không nhỏ đến tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa.

Đội tàu hàng khô Vinaship tính đến thời điểm hiện tại gồm 5 chiếc với tổng số tấn trọng tải là 100.016 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 28.189 DWT. Độ tuổi bình quân hơn 20 tuổi, trong đó có tàu Vinaship Sea và Vinaship Pearl lần lượt là 27 và 29 tuổi, tàu trẻ nhất 13 tuổi là tàu Vinaship Unity mới đầu tư cuối năm 2024. Đội tàu công ty vẫn chủ yếu khai thác trên tuyến Đông Bắc và Đông Nam Á với phương thức cho thuê chuyến kết hợp định hạn và mặt hàng chủ yếu vẫn là xi măng, clinker, gạo, phân bón.

Thời gian vận doanh cũng như kết quả sản xuất kinh doanh của đội tàu Công ty trong quý 1 cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung, kỳ nghỉ Tết kéo dài khiến hoạt động thương mại bị hạn chế, nhu cầu vận chuyển thấp, giá cước một số mặt hàng truyền thống công ty vẫn khai thác như gạo, xi măng, phân bón đều giảm mạnh, cộng thêm yếu tố thời tiết mưa nhiều trong tháng 2 ảnh hưởng lớn đến xếp dỡ hàng hoá.

Thời gian khai thác chuyến của tàu Vinaship Unity ảnh hưởng do tàu lên đà sửa chữa định kỳ từ cuối năm 2024 cho đến hết ngày 15/01/2025.

Các nguyên nhân trên khiến cho doanh thu trong Quý 1/2025 giảm so với quý trước và đạt mức lợi nhuận không đáng kể.

I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán quý I : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03 của năm. Kỳ kế toán quý I năm 2025 bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền	31/03/2025	01/01/2025
- Tiền mặt	588.607.231	673.792.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	93.027.171.296	135.593.936.164
- Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	2.338.943.013
Cộng	113.615.778.527	138.606.671.177
2- Các khoản đầu tư tài chính	31/03/2025	01/01/2025
a) Chơng kho,n kinh doanh		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	109.000.000.000	133.000.000.000
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	109.000.000.000	133.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Đầu tư cổ phiếu	1.437.338	1.437.338
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/03/2025</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam : 86 CP	1.369.070	1.369.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 2 CP	68.268	68.268
Cộng	109.001.437.338	133.001.437.338
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 86 CP	(1.128.270)	(1.128.270)
Cộng	(1.128.270)	(1.128.270)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/03/2025	01/01/2025
-Fortem cement corporation	4.476.028.358	-
- Newgate import export Corp	2.677.617.036	-
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	80.987.694	358.689.457
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	1.036.575.000	-
- Công ty TNHH TMDV Xăng dầu Thiên Phúc	597.038.903	616.248.287
- Công ty CP Cảng Xanh Vip	950.309.172	1.033.353.396
- Công ty CP Cảng Nam Đình Vũ	2.438.662.840	2.009.134.476
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	8.199.201.668	7.056.576.447
Cộng	20.456.420.671	11.074.002.063

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/03/2025	01/01/2025
- Tạm ứng	4.497.138.681	2.237.847.707
- Ký cược, ký quỹ	48.549.000	32.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	6.122.811.341	4.287.420.941
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm xã hội	230.805.016	177.127.032
- Bảo hiểm y tế	13.825.664	12.811.854
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.918.704	8.301.616
- Thuế TNCN	29.581.317	-
- Lãi dự thu	1.628.650.691	1.477.265.756
- Các khoản phải thu khác	134.417.323	53.316.568
+ Phải thu khác	134.417.323	53.316.568
Cộng	20.056.185.311	15.628.579.048
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/03/2025	01/01/2025
- CN Bạch Đằng - Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	90.761.500	90.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
Cộng	9.501.691.853	9.501.691.853
6- Hàng tồn kho	31/03/2025	01/01/2025
- Nguyên liệu, vật liệu	48.955.820.172	38.164.830.442
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.511.379.476	1.738.248.703
- Công cụ, dụng cụ	26.975.000	26.975.000
Cộng	52.494.174.648	39.930.054.145
7- Xây dựng cơ bản dở dang	31/03/2025	01/01/2025
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	957.343.997
+ TSCĐ đang mua sắm	178.000.000	267.000.000
Cộng	178.000.000	1.224.343.997

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình trong Quý I năm 2025

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu kỳ		83.343.254.061	1.116.937.998.783	5.102.897.024	6.349.002.098	1.211.733.151.966
2. Số tăng trong kỳ		(97.656.716)	108.167.222	-	-	10.510.506
Trong đó:						
- Do mua sắm			108.167.222			108.167.222
- Đầu tư XD CB hoàn thành		(97.656.716)				(97.656.716)
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
Trong đó:						
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		83.245.597.345	1.117.046.166.005	5.102.897.024	6.349.002.098	1.211.743.662.472
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.489.596.756	619.801.458.842	60.431.830	216.281.662	623.567.769.090
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1. Đầu kỳ		7.666.430.501	786.126.278.626	471.796.901	995.794.510	795.260.300.538
2. Tăng trong kỳ		811.076.016	9.849.622.212	204.546.168	381.971.166	11.247.215.562
- Khấu hao		811.076.016	9.849.622.212	204.546.168	381.971.166	11.247.215.562
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		8.477.506.517	795.975.900.838	676.343.069	1.377.765.676	806.507.516.100
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		75.676.823.560	330.811.720.157	4.631.100.123	5.353.207.588	416.472.851.428
2. Cuối kỳ		74.768.090.828	321.070.265.167	4.426.553.955	4.971.236.422	405.236.146.372
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			285.156.761.680			285.156.761.680

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình quý I năm 2025

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
- Khấu hao			-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Đầu kỳ	-	-	-
2. Cuối kỳ	-	-	-

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính quý I năm 2025 : Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư quý I năm 2025 :

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	NHÀ	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
4. Số cuối kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	18.432.082.235	21.059.587.254
2. Số tăng trong kỳ	-	198.031.308	198.031.308
- Do chuyển từ TSCĐ sang			
- Do trích khấu hao	-	198.031.308	198.031.308
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang TSCĐ			
4. Số dư cuối kỳ	2.627.505.019	18.630.113.543	21.257.618.562
III - Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	-	2.640.417.397	2.640.417.397
4. Số dư cuối kỳ	-	2.442.386.089	2.442.386.089

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

		31/03/2025	01/01/2025	
12- Chi phí trả trước				
a) Ngắn hạn				
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.286.499.187		2.198.968.985	
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	105.490.300		62.550.000	
	2.391.989.487		2.261.518.985	
Cộng				
b) Dài hạn				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	33.941.119.329		25.668.724.065	
- Chi phí trả trước trang thiết bị đồ dùng tòa nhà	1.646.262.673		1.829.180.746	
- Chi phí làm mái che chống nóng	110.663.386		50.334.228	
- Chi phí mua máy bộ đàm cho bộ phận bốc xếp	228.375.000			
- Chi phí trả trước dài hạn khác	156.754.285		174.171.428	
Cộng	36.083.174.673		27.722.410.467	
14- Vay và nợ thuê tài chính		31/12/2024	01/01/2024	
b) Vay dài hạn		141.111.160.714	146.337.500.000	
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	20.905.357.144		20.905.357.144	
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải	20.905.357.144		20.905.357.144	
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	120.205.803.570		125.432.142.856	
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải	120.205.803.570		125.432.142.856	
Cộng	141.111.160.714		146.337.500.000	
15- Phải trả người bán		31/03/2025	01/01/2025	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Fratelli Cosulich Bunkers (HK) Ltd	5.780.807.939			
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt	5.606.426.000			-
Cty CP dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	1.803.996.075		1.832.176.000	
PT Indofuels Ltd	3.812.193.724		8.521.857.720	
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long	8.609.666.500		6.367.400.000	
Công ty CP Xây dựng GM	-		3.512.784.658	
Phải trả các đối tượng khác	9.729.710.669		7.370.881.726	
Cộng	35.342.800.907		27.605.100.104	
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		31/03/2025	Số đã nộp	Số phải nộp
a) Phải nộp				01/01/2025
- Thuế GTGT	280.689.522	1.265.719.911	694.957.325	851.452.108
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	72.527.704	72.527.704	-
- Thuế nhập khẩu	-	26.718.391	26.718.391	-
- Thuế TNDN	16.903.924	10.039.944.740	16.903.924	10.039.944.740
- Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	42.484.404	292.290.808	218.517.231	116.257.981
Cộng	340.077.850	11.704.201.554	1.036.624.575	11.007.654.829

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

b) Phải thu	31/03/2025	Số đã nộp	Số phải nộp	01/01/2025
- Thuế TNCN nộp thừa cho Nhà nước	125.581.228	125.581.228	-	-
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	15.614.130	-	6.077.363	21.691.493
- Tiền thuê đất do được bù trừ	1.118.556.156	-	421.361.425	1.539.917.581
Cộng	1.259.751.514	125.581.228	427.438.788	1.561.609.074
17- Chi phí phải trả	31/03/2025			01/01/2025
a) Ngắn hạn				
- Chi phí phải trả lãi vay	150.776.309			156.360.616
- Trích trước chi phí XDCB lô đất TM8	-			231.481.481
- Chi phí phải trả khác	3.259.451.434			4.654.834.659
Cộng	3.410.227.743			5.042.676.756
18- Phải trả khác	31/03/2025			01/01/2025
Ngắn hạn				
- Công đoàn phí	61.770.497			112.610.450
- Kinh phí công đoàn	197.241.024			744.000
- Bảo hiểm y tế	-			55.640.320
- Bảo hiểm thất nghiệp	174.083.441			135.738.001
- Thuế TNCN	258.120.680			19.039.863
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.000.000			24.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.375.000			507.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.485.167.364			1.471.921.383
- Thu chi hộ	-			224.752.418
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	799.186.468			1.838.431.691
Cộng	3.506.944.474			4.390.253.126
Dài hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.119.000.000			900.000.000
Cộng	1.119.000.000			900.000.000
19- Doanh thu chưa thực hiện	31/03/2025			01/01/2025
Ngắn hạn				
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	770.588.000			-
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	1.550.290.435			777.524.935
Cộng	2.320.878.435			777.524.935
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập	31/03/2025			01/01/2025
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-			-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	304.981.202			304.981.202

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

V22- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu:**a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu quý I năm 2025**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	146.220.778.825	170.441.911.253	516.662.690.078
Tăng trong năm trước				-
- Lãi năm 2024			65.721.232.745	65.721.232.745
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		133.722.357.597	(133.722.357.597)	-
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023		30.467.777.604	(35.689.355.739)	(5.221.578.135)
- Phát hành tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển	139.999.600.000	(139.999.600.000)		-
Số dư cuối năm trước	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688
Số dư đầu năm nay	339.999.600.000	170.411.314.026	66.751.430.662	577.162.344.688
- Lãi Quý I			82.925.145	82.925.145
Số dư cuối ngày 31/03/2025	339.999.600.000	170.411.314.026	66.834.355.807	577.245.269.833

	31/03/2025	01/01/2025
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51% VDL	173.400.000.000	173.400.000.000
- Vốn góp của Công ty CP Container Việt Nam Viconship 40,01% VDL	136.032.400.000	136.032.400.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 8,99% VDL	30.567.200.000	30.567.200.000
Cộng	339.999.600.000	339.999.600.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
+ Vốn góp đầu kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	339.999.600.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành đầu kỳ	33.999.960	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	33.999.960	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	33.999.960	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	33.999.960	20.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
e) Các quỹ của doanh nghiệp	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Quỹ đầu tư phát triển	170.411.314.026	146.220.778.825
+ Số dư quỹ đầu năm	-	-
+ Tăng trong kỳ	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	-
+ Số dư quỹ cuối kỳ	170.411.314.026	146.220.778.825
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.820.130.528	12.344.591.210
+ Số dư quỹ đầu năm	40.500.000	-
+ Tăng trong kỳ	846.907.600	772.945.400
+ Giảm trong kỳ	10.013.722.928	11.571.645.810
+ Số dư quỹ cuối kỳ	10.013.722.928	11.571.645.810
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/03/2025	01/01/2025
a) Ngoại tệ các loại		
-Đồng đô la Mỹ (USD)	3.174.611,13	5.001.736,43
b) Nợ khó đòi đã xử lý	1.180.624.375	1.180.624.375
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH		
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	Quý I Năm 2025	Quý I năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.372.765.941	133.997.756.006
<i>Trong đó:</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	96.316.882.138	96.750.405.277
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	11.893.525.000	24.509.347.560
+ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	767.486.437	784.179.959
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	14.796.201.169	11.953.823.210
+ Doanh thu bán hàng khác	3.598.671.197	-
26- Doanh thu thuần về BG và cung cấp DV (MS 10)	127.372.765.941	133.997.756.006

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyễn Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

		<u>Quý I Năm 2025</u>	<u>Quý I Năm 2024</u>
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)			
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển		90.612.778.381	101.654.463.026
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài		11.103.231.562	23.570.665.875
- Giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư		445.623.483	198.031.308
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ		12.789.528.465	10.705.020.273
- Giá vốn bán hàng khác		3.566.902.538	-
Cộng		118.518.064.429	136.128.180.482
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)			
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		1.816.033.041	943.840.819
- Lãi bán cổ phiếu VCB		-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		348.242.058	1.745.785.684
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		263.137.547	2.949.164.335
Cộng		2.427.412.646	5.638.790.838
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)			
- Chi phí lãi vay		2.313.764.837	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		488.504.050	79.144.178
- Chi phí tài chính khác		72	40.436
Cộng		2.802.268.959	79.184.614
30- Thu nhập khác			
- Thu nhập do được miễn nghĩa vụ phải trả khoản lãi phạt phải trả ngân hàng		-	4.532.735.541
- Các khoản khác		1.911.750	74.206.498
Cộng		1.911.750	4.606.942.039
31- Chi phí khác			
- Các khoản bị phạt		-	3.250
- Các khoản khác		13.105.000	46.296.296
Cộng		13.105.000	46.299.546
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp			
a) Chi phí bán hàng		1.991.532.323	2.121.070.592
Hoa hồng phí		1.991.532.323	2.121.070.592
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.371.213.194	5.566.154.155
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		393.540.746	208.737.724
Chi phí nhân công		3.140.955.080	3.933.134.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định		1.307.719.764	180.570.557
Thuế, phí, lệ phí		157.518.695	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài		726.361.458	647.763.674
Chi phí khác bằng tiền		645.117.451	588.948.102
Cộng		8.362.745.517	7.687.224.747

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý I Năm 2025	Quý I Năm 2024
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.242.827.419	40.508.239.005
- Nhiên liệu	39.551.131.907	36.826.463.535
- Nguyên liệu, vật liệu	2.691.695.512	3.681.775.470
33.2- Chi phí nhân công	19.671.173.733	20.916.071.266
- Tiền lương	15.644.340.000	16.784.280.000
- BHXH	1.719.348.960	1.745.229.780
- Bảo hiểm y tế	230.834.016	219.083.688
- Bảo hiểm thất nghiệp	98.248.512	99.727.416
- Kinh phí công đoàn	196.497.024	199.681.344
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	1.781.905.221	1.868.069.038
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.445.246.870	21.623.758.967
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.078.081.080	58.987.921.175
33.6- Chi phí khác bằng tiền	1.649.709.079	1.779.414.816
Cộng	125.087.038.181	143.815.405.229
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.981.287	28.428.592
35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Quý I Năm 2025	Quý I Năm 2024
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
- Tiền thu từ đi vay	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	5.226.339.286	-
- Tiền trả nợ gốc vay	5.226.339.286	-

VIII- GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt	Quý I Năm 2025	Quý I Năm 2024
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý	1.197.211.206	981.877.813
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	35.000.000	25.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	32.000.000	22.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	327.099.799	279.599.229
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	32.000.000	22.000.000
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	32.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	5.000.000	188.252.503
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	236.007.900	209.172.255
Ông Đoàn Minh Thân - Phó Tổng giám đốc	208.099.082	-
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	220.004.425	185.853.826
Bà Lê Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	32.000.000	22.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	19.000.000	14.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	19.000.000	14.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	31/03/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	80.987.694	343.717.388
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	457.045.524	-
Công ty CP Cảng xanh VIP	950.309.172	-
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	444.931.812	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	317.413.542	-
Cộng	2.250.687.744	343.717.388
2.2. Phải trả người bán ngắn hạn	31/03/2025	01/01/2025
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	1.260.929.800	90.810.500
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	20.940.267	20.940.267
Cộng	1.281.870.067	111.750.767
2.3. Phải trả, phải nộp khác	31/03/2025	01/01/2025
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	-	-
2.4. Doanh thu	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	220.158.255	382.981.086
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	124.600.000
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	1.285.818.100	-
Công ty CP Cảng xanh VIP	2.374.745.900	-
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	1.028.718.200	-
Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh	9.600.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	798.929.172	-
Cộng	5.717.969.627	507.581.086
2.6. Mua hàng hóa dịch vụ	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	-	-
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	1.146.496.000	884.150.000
Công ty CP Vận tải biển Việt Nam - Vosco	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	813.000	-
Cộng	1.147.309.000	884.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý I năm 2025 kết thúc ngày 31/03/2025

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

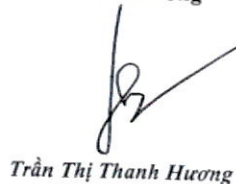
Các hoạt động	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Vận tải biển		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	96.316.882.138	96.750.405.277
- Chi phí	97.561.817.983	108.459.565.737
- Lợi nhuận	(1.244.935.845)	(11.709.160.460)
Vận tải biển thuê tàu ngoài		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	11.893.525.000	24.509.347.560
- Chi phí	11.549.238.750	23.570.665.875
- Lợi nhuận	344.286.250	938.681.685
Hoạt động cho thuê BĐS đầu tư		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	767.486.437	784.179.959
- Chi phí	445.623.483	198.031.308
- Lợi nhuận	321.862.954	586.148.651
Hoạt động dịch vụ bốc xếp hàng hoá		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	13.482.315.330	11.599.853.805
- Chi phí	13.462.092.071	11.453.662.449
- Lợi nhuận	20.223.259	146.191.356
Hoạt động dịch vụ khác		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.313.885.839	353.969.405
- Chi phí	295.135.121	133.479.860
- Lợi nhuận	1.018.750.718	220.489.545
Hoạt động bán hàng		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.598.671.197	-
- Chi phí	3.566.902.538	-
- Lợi nhuận	31.768.659	-
Hoạt động tài chính		
- Doanh thu tài chính	2.427.412.646	5.638.790.838
- Chi phí tài chính	2.802.268.959	79.184.614
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(374.856.313)	5.559.606.224
Hoạt động khác		
- Thu nhập hoạt động khác	1.911.750	4.606.942.039
- Chi phí hoạt động khác	13.105.000	46.299.546
- Lợi nhuận hoạt động khác	(11.193.250)	4.560.642.493

Người lập



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc



Dương Ngọc Tú